

**TRUNG TÂM Y TẾ YÊN MÔ**

Chương: 423

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ II NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trung tâm Y tế Yên Mô công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

| Số TT     | Nội dung                                                           | Dự toán năm       | Ước thực hiện quý II | Ước thực hiện/dự toán năm nay (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí</b>                        |                   |                      |                                         |                                                                 |
| <b>1</b>  | <b>Thu sự nghiệp</b>                                               | <b>33.957.000</b> | <b>10.430.078</b>    | <b>31%</b>                              | <b>120%</b>                                                     |
|           | <b>Thu dịch vụ KCB</b>                                             | <b>33.420.000</b> | <b>10.348.134</b>    | <b>31%</b>                              | <b>124%</b>                                                     |
|           | Thu từ BHYT                                                        | 29.750.000        | 9.339.283            | 31%                                     | 126%                                                            |
| -         | Thu từ BHYT - 132                                                  | 28.127.000        | 8.904.897            | 32%                                     | 120%                                                            |
| -         | Thu từ BHYT - 139                                                  | 1.623.000         | 434.386              | 27%                                     | 101%                                                            |
|           | Thu trực tiếp từ người bệnh - 132                                  | 3.670.000         | 1.008.851            | 27%                                     | 104%                                                            |
|           | <b>Thu các hoạt động khác</b>                                      | <b>537.000</b>    | <b>81.944</b>        | <b>15%</b>                              | <b>29%</b>                                                      |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>                                | <b>33.957.000</b> | <b>10.430.078</b>    | <b>31%</b>                              | <b>120%</b>                                                     |
|           | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                     | 33.957.000        | 10.430.078           | 31%                                     | 120%                                                            |
|           | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                               |                   |                      |                                         |                                                                 |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                              | <b>40.858.309</b> | <b>15.634.089</b>    | <b>38%</b>                              | <b>222%</b>                                                     |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                              | <b>26.219.000</b> | <b>6.606.779</b>     | <b>25%</b>                              | <b>94%</b>                                                      |
| -         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên -131                                | 4.645.000         | 1.066.533            | 23%                                     | 92%                                                             |
| -         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên -131 (giảm do tiết kiệm theo NQ173) | (51.000)          |                      |                                         |                                                                 |

| Số TT    | Nội dung                                                           | Dự toán năm       | Ước thực hiện quý II | Ước thực hiện/dự toán năm nay (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|----------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| -        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên -139                                | 21.625.000        | 5.540.246            | 26%                                     | 94%                                                             |
| -        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên -139 (giảm do tiết kiệm theo NQ173) | (186.000)         |                      |                                         |                                                                 |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                        | <b>14.639.309</b> | <b>9.027.310</b>     | <b>62%</b>                              | <b>0%</b>                                                       |
| -        | Kinh phí nhiệm vụ KTX -131                                         | 765.000           | 382.404              | 50%                                     |                                                                 |
| -        | Kinh phí nhiệm vụ KTX -132                                         | 5.988.000         | 437.597              | 8%                                      |                                                                 |
| -        | Kinh phí nhiệm vụ KTX -132 (giảm do tiết kiệm theo NQ173)          | (321.000)         |                      |                                         |                                                                 |
| -        | Kinh phí nhiệm vụ KTX -139                                         | 51.000            | 51.000               | 100%                                    |                                                                 |
| -        | Kinh phí nhiệm vụ KTX -139 (nguồn 23)                              | 8.156.309         | 8.156.309            | 100%                                    |                                                                 |

Ngày 07 tháng 7 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị


  
**Phan Sỹ Diễn**